

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2017

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Triệu

2. Bà Đỗ Thị Tề

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Bảy tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Vinh. Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh V (V), sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp Thành V, xã Tân Phước H, huyện P, tỉnh H (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lâm Thị C, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Khu vực 1, phường H, thị xã N, tỉnh H (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị Thu H, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Khu vực 1, phường H, thị xã N, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/7/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Bùi Thanh V trình bày:

1. Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH (Nay là Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh H). Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân

cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn và bị đơn bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, khi làm ăn công việc không thuận lợi và nguyên đơn ra ngoài thuê nhà để sinh sống từ đó mâu thuẫn kéo dài và cả hai sống ly thân. Nay không còn tình cảm với bị đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lâm Thị C .

2. Về con chung: Có 02 con chung cháu Bùi Quốc V (Giới tính: Nam), sinh ngày: 08/5/1998 và cháu Bùi Thị Ngọc G, (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 16/7/2007. Cháu Bùi Quốc V đã trưởng thành, cháu G hiện đang sống chung với bị đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn đồng ý giao cháu G cho bị đơn nuôi dưỡng và nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng với số tiền là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng)/tháng cho đến khi cháu G tròn 18 (Mười tám) tuổi.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Nợ chị Lâm Thị Thu H 06 (sáu) chỉ vàng 24k loại 98%. Phần nợ này nguyên đơn tự nguyện trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lâm Thị C trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là đúng về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung.

1. Về hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, khó khăn về kinh tế nguyên đơn kêu mua xe nhưng vì khó khăn về tài chính không có tiền để mua xe nên nguyên đơn dọn ra ngoài để sinh sống. Trong quá trình sống ly thân bị đơn có tạo điều kiện hàn gắn với nguyên đơn để cả hai về sống chung nhưng nguyên đơn không đồng ý. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn không đồng ý ly hôn, vì còn tình cảm với nguyên đơn muốn hàn gắn để cùng nhau nuôi dưỡng con chung trưởng thành.

2. Về con chung: Có 02 con chung cháu Bùi Quốc V và cháu Bùi Thị Ngọc G. Cháu Bùi Quốc V đã trưởng thành, cháu G hiện đang sống với bị đơn. Sau khi ly hôn bị đơn yêu cầu nuôi dưỡng cháu G và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi cháu G theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu G tròn 18 (Mười tám) tuổi.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Nợ chị gái Lâm Thị Thu H 06 (sáu) chỉ vàng 24k loại 98%. Phần nợ này là do nguyên đơn mượn khi ra ngoài ở riêng để thuê tiệm sửa chữa điện tử. Sau khi ly hôn bị đơn yêu cầu nguyên đơn có trách nhiệm trả nợ.

Cháu Bùi Thị Ngọc G trình bày: Cha cháu là anh Bùi Thanh V và chị Lâm Thị C sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thu H trình bày: Bà là chị ruột của bị đơn vào tháng 5/2015 bà có cho nguyên đơn mượn 06 (sáu) chỉ

vàng 24k loại 98%, mượn tiền để mở tiệm sửa chữa điện tử và bán đồ điện tử. Khi cho mượn không làm biên nhận và giấy tờ. Nay nguyên đơn và bị đơn ly hôn bà yêu cầu nguyên đơn ông Bùi Thanh V có trách nhiệm trả cho bà 06 (sáu) chỉ vàng 24k, loại 98%.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các **Điều 51, 56, 81, 83, 110, 116, Điều 117** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Bùi Thanh V đối với bị đơn Lâm Thị C. Về con chung giao cháu G cho bị đơn nuôi dưỡng; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm.

Về thủ tục tố tụng. Bị đơn Lâm Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bùi Thanh V và bị đơn Lâm Thị C tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1995 và đến năm 2002 có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình theo giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01, ngày 30/8/2002 nên hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn, bị đơn có phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5/2015 cho đến nay không còn thương yêu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện để hàn gắn cho nguyên đơn và bị đơn nhưng nguyên đơn vẫn cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Bùi Thanh V (V) được ly

hôn đôi với bị đơn Lâm Thị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Cháu Bùi Quốc V hiện đã trưởng thành và cháu Bùi Thị Ngọc G có nguyện vọng sống cùng bị đơn và bị đơn Nguyễn Thị C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu G. Để đảm bảo môi trường sống và học tập của cháu G Hội đồng xét xử giao cháu G cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 (Mười tám) tuổi. Nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi cháu G theo quy định pháp luật với số tiền mỗi tháng là: 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho nguyên đơn không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nguyên đơn còn nợ bà Lâm Thị Thu H 06 (sáu) chỉ vàng 24k, loại 98%. Bà Lâm Thị Thu H thừa nhận có cho nguyên đơn mượn 06 (sáu) chỉ vàng 24k, loại 98%. Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự từ đó chứng tỏ giữa nguyên đơn có nợ bà Lâm Thị Thu H 06 (sáu) chỉ vàng 24k, loại 98% là có thật. Bà Hai có đơn yêu cầu độc lập buộc ông Bùi Thanh V có trách nhiệm trả cho bà 06 (sáu) chỉ vàng 24k, loại 98%. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hai không nộp tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập của mình. Căn cứ Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tách yêu cầu độc lập của bà Hai thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Bùi Thanh V (V). Nguyên đơn Bùi Thanh V (V) được ly hôn với bị đơn Lâm Thị C .

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Ngọc G, (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 16/7/2007 cho bị đơn Lâm Thị C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 (mười tám) tuổi. Nguyên đơn Bùi Thanh V phải cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng với số tiền là: 650.000 đồng (sáu trăm năm chục ngàn đồng)/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho nguyên đơn không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Nợ bà Lâm Thị Thu H 06 (sáu) chỉ vàng 24k, loại 98%. Tách yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thu H thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Bùi Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007738 ngày 11/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Án phí cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 08/9/2017. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường H ./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND TX. N;
- Chi cục THADS TX. N;
- **UBND phường H ;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Nhung